TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2018/DS-ST
Ngày: 27-8-2018
"V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Kim L**, sinh năm: 1960 (Có mặt)

* Bị đơn: - Bà **Hình Thị L,** sinh năm 1975 (Vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Trọng (Văn) Ngh,** sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 8 II, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2017, ngày 18/7/201 và 02 đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 20/3/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày và yêu cầu như sau*:

Tiền vay: Vào ngày 16/5/2015 âm lịch bà có cho vợ chồng bà Hình Thị L, ông Nguyễn Trọng Ngh vay số tiền 133.000.000 (*Một trăm ba mươi ba triệu đồng*), thỏa thuận lại suất mỗi tháng 3.000.000đ/133.000.000đ, khi vay bà L có viết biên nhận. Từ khi vay đến nay bà L, ông Ngh chưa trả gốc và tiền lãi cho bà số tiền nào.

Tiền hụi: Bà L ông Ngh còn nợ bà tổng cộng là 29.000.000đ *(Hai mươi chín*

triệu đồng), cụ thể từng dây hụi như sau:

- *Dây hụi thứ nhất*: Hụi 500.000đ mở ngày 10/3/2012, mỗi tháng mở hụi 01 lần, gồm 42 phần, vợ chồng bà L tham gia 01 phần. Đến lần thứ 15 (ngày 10/4/2013) thì vợ chồng bà L lĩnh hụi, bà giao tiền lĩnh hụi cho vợ chồng bà L vào ngày 20/4/2013 với số tiền là **15.070.000đ** (đã trừ tiền huê hồng). Sau khi lĩnh hụi vợ chồng bà L đóng hụi chết cho tôi đến ngày 20/5/2015 thì ngưng không đóng, còn nợ lại tôi 01 lần hụi chết với số tiền là 500.000đ dây hụi này đã mãn vào ngày 16/6/2015 đến nay vợ chồng bà L chưa trả cho bà;

- *Dây hụi thứ hai*: Hụi 500.000đ mở ngày 25/01/2013, mỗi tháng mở hụi 01 lần, gồm 40 phần, vợ chồng bà L tham gia 01 phần. Đến lần thứ 09 (ngày 25/9/2013) thì vợ chồng bà L lĩnh hụi, tôi giao tiền hụi cho vợ chồng bà L vào ngày 0510/2013 với số tiền là **11.760.000đ** (đã trừ tiền huê hồng). Sau khi lĩnh hụi vợ chồng bà L đóng hụi chết đến ngày 25/5/2015 thì ngưng không đóng, còn nợ lại tôi 11 lần hụi chết với số tiền là 5.500.000đ dây hụi này đã mãn vào ngày 25/4/2016 đến nay vợ chồng bà L chưa trả;

- *Dây hụi thứ ba*: Hụi 1.000.000đ mở ngày 25/01/2013, mỗi tháng mở hụi 01 lần, gồm 40 phần, vợ chồng bà L tham gia 01 phần. Đến lần thứ 07 (ngày 25/7/2013) thì vợ chồng bà L lĩnh hụi, tôi giao tiền lĩnh hụi cho vợ chồng bà L vào ngày 05/8/2013 với số tiền là **23.880.000đ** (đã trừ tiền huê hồng). Sau khi lĩnh hụi vợ chồng bà L đóng hụi chết được 28 lần đến ngày 25/5/2015 thì ngưng không đóng, còn nợ lại bà 12 lần hụi chết với số tiền là 12.000.000đ dây hụi này đã mãn vào ngày 25/4/2016 đến nay vợ chồng bà L chưa trả;

Cũng trong dây hụi trên, vợ chồng bà L mượn phần hụi của bà Hình Thị H để lĩnh hụi vào ngày 25/3/2014, bà giao tiền lĩnh hụi cho bà L vào ngày 05/5/2014 với số tiền 28.150.000đ (đã trừ tiền huê hồng). Sau khi lĩnh hụi vợ chồng bà L đóng hụi chết được 29 lần, còn nợi lại 11 lần hụi chết với số tiền là 11.000.000đ đến nay vợ chồng bà L cũng không đóng hụi cho tôi.

Tổng cộng tiền vay và tiền hụi vợ chồng bà L còn nợ bà số tiền là 162.000.000đ (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

Đối với tiền vay 133.000.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu đồng*), bà yêu cầu bà Lùng, ông Nghĩa trả lãi suất của số tiền vay theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2015 âm lịch đến khi giải quyết xong vụ kiện.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn bà Trần Kim L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần hụi bà L mượn của Hình Thị H, số tiền hụi còn nợ 11.000.000đ, bà chỉ yêu cầu ông Ngh bà L trả cho bà 18.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu trả lãi từ thời điểm ngưng không đóng hụi cho bà L từ ngày 25/5/2015 đến nay; còn đối với tiền vay 133.000.000 đồng bà yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/5/2015 cho đến nay;

- Bị đơn bà Hình Thị L, ông Nguyễn Văn Ngh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do mặt dù đã dược triệu tập hợp lệ.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bà L, ông Ngh trả tiền hụi và tiền vay còn nợ, được xác định là tranh chấp dân dự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay bà L, ông Ngh cư trú tại ấp 8II, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bà Hình Thị L, ông Nguyễn Văn Ngh và quy định thời gian cho bà L, ông Ngh biết việc yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông, bà, hết thời gian quy định bà L, ông Ngh không có văn bản trình bày ý kiến gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Toa án tổ chức hòa giải đến lần thứ hai bà L, ông Ngh cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bà L, ông Ngh nhưng ông, bà vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai bà Trần Kim L không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị bà Hình Thị L, ông Nguyễn Trọng Ngh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về nội dung*: Bà L, ông Ngh tham gia góp hụi do bà L làm chủ, khi tham gia đều xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi, có hoa hồng, sau khi thỏa thuận chủ hụi lập danh sách những người tham gia góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự *(Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005)* và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Sau khi lĩnh hết các phần hụi thì ông Nghĩa, bà L còn nợ bà L số tiền hụi chết là 29.000.000 đồng Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi 11.000.000đ đối với phần hụi bà L mượn của Hình Thị H. Thấy rằng việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài số tiền hụi thì bà L có cho bà L vay tiền 133.000.000đ (có biên nhận), hiện nay bà L xác định còn nợ là tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản là có thật là trường hợp những tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của bà L khởi kiện đòi bà L, ông Ngh phải trả tiền hụi 18.000.000 đồng và tiền vay vốn gốc 133.000.000 đồng và yêu cầu bà L, ông Ngh phải trả tiền lãi số tiền vay gốc, thời gian tính từ ngày vay 16/5/2015 âl đến ngày xét xử là ngày 17/7/2018 âl, mức lãi suất theo quy định của pháp luật;

[5] Thấy rằng, bà L, ông Ngh tham gia góp hụi do bà L làm chủ bà L, ông Ngh còn nợ 18.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 144/2006/ NĐ-CP ngày 27/11/2006 Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường là khi lĩnh các phần hụi thì phải có nghĩa vụ góp hụi chết cho chủ hụi. Do đó, ông Ngh, bà L phải có nghĩa vụ trả tiền hụi chưa góp còn nợ cho bà Liên là 18.000.000 đồng.

[6] Đối với lãi suất chận giao tiền hụi bà L không yêu cầu ông Ngh, bà L phải trả , nên không xem xét.

[7] Đối với số tiền vay, vào ngày 16 tháng 5 năm 2015 âm lịch ông Ngh, bà L có vay của bà Liên số tiền gốc là 133.000.000 đồng có biên nhận do bà L ký nhận tiền, lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 03, nhưng đến nay ông Ngh, bà L không trả lãi cho bà L số tiền và cũng không trả tiền gốc vay gốc, việc này Tòa cũng có thông báo cho ông Ngh, bà L trong thông báo thụ lý vụ án, nhưng ông Ngh, bà L cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà L nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cụ thể là biên nhận nợ ngày 16/5/2015 âm lịch có chữ ký của bà L là phù hợp với trình bày của bà L. Do đó xác định được ông Ngh, bà L còn nợ bà L số tiền vay gốc là 133.000.000 đồng và bà L yêu cầu ông Ngh, bà L trả lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ", mức lãi suất cơ bản tại thời điểm bà Liên và bà Lùng, ông Nghĩa phát sinh tranh chấp theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm, thì các đương sự chỉ có thể thỏa thuận mức lãi suất cho vay không vượt quá 150%, như vậy lãi suất để tính tại thời điểm tranh chấp là 1,13% / tháng *(9%/ năm = 0,75%/ tháng x 150% = 1,13%/tháng)*, theo đó số tiền vay ông Ngh, bà L phải trả cho bà L từ ngày 16/5/2015 âl đến nay (ngày 27/8/2018) nhằm ngày 17/7/2018 âl là 38 tháng 02 ngày nhưng tính tròn là 38 tháng. Như vậy, ông Ngh, bà L phải trả tiền lãi số tiền vay cho bà L là 56.857.500 đồng (133.000.000 đồng x 1,13%/ tháng x 38 tháng). Do đó, buộc ông Ngh, bà L phải trả tiền vay gốc và tiền lãi cho bà L số tiền thiếu nêu trên là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật.

[8] Từ những cơ sở phân tích trên, buộc ông Nguyễn Trọng Ngh và bà Hình Thị L trả cho bà Trần Kim L tiền hụi còn thiếu là 18.000.000 đồng, tiền vay vốn gốc 133.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền vay gốc 133.000.000đ à 56.857.500 đồng. Tổng cộng là **207.857.500 đồng (** *Hai trăm lẽ bảy triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng***).**

[9] Đối với lãi suất chận giao tiền hụi bà L không yêu cầu ông Ngh bà L phải trả , nên không xem xét.

[10] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đòi 11.000.000đ đối với phần hụi bà L mượn của Hình Thị H. (do bà L rút đơn khởi kiện)

[11] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/ 2009/ UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bà L, ông Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Trần Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai số 00008661 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 *(Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015)*; Điều 5, Điều 25, Điều 28, Điều 30 của Nghị định số 144/2006/ NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Buộc bà Hình Thị L, ông Nguyễn Văn Ngh trả cho bà Trần Kim L tổng cộng là **207.857.500 đồng (** *Hai trăm lẽ bãy triệu tám trăm năm mươi bãy nghìn năm trăm đồng***)**. Trong đó: tiền hụi còn thiếu là 18.000.000 đồng, tiền vay vốn gốc 133.000.000 đồng, tiền lãi là 56.857.500 đồng.

- Đối với tiền của số tiền hụi chậm giao tiền hụi bà L không yêu cầu ông Ngh và bà L, nên không xem xét.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đòi 11.000.000đ đối với phần hụi bà L mượn của Hình Thị H. (do bà L rút đơn khởi kiện) .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Hình Thị L, ông Nghĩa Văn Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần chịu trách nhiệm trả nợ là 10.392.875 đồng *(*207.857.500 đồng *x 5%)*.

Nguyên đơn bà Trần Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai số 00008661 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

3. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/8/2018.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê